TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST
Ngày: 21/8/2020
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Tiến
Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Châu
2. Ông Đặng Trần Phan

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà*: Bà Hoàng Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2019/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST- DS ngày 30/7/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bình M, sinh năm 1957; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Phòng 405, B20 Tập thể K, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú hiện nay: số 48, 50 phố H, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Đ, sinh năm 1968; Trú tại: số 309 -17 T10, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn B; Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Số 7 phố T, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên toà có mặt bà M, ông Đ, vắng mặt ông B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2019 của nguyên đơn, các ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Bình M và ông Đoàn Văn B là bạn bè chơi với nhau. Khoảng tháng 9/2009 ông B có vay của bà M số tiền 250.000.000đồng. Sau đó ngày 03/9/2010 bà M cho ông B vay thêm 580.000.000đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất

cho hai khoản vay tiền này là 12%/01 năm, sau một năm không trả được thì ông B phải chịu phạt lãi suất 6%/01 tháng. Hai khoản vay này ông B có làm giấy vay mượn đề ngày 03/9/2010 với tổng số tiền vay là 830.000.000đồng. Tiếp đó đến ngày 21/9/2010 ông B vay thêm của bà M số tiền 70.000.000đồng thời hạn vay là 15 ngày nếu sau thời hạn này ông B không trả thì phải chịu phạt 5%/01tháng. Ông B có viết giấy vay tiền đề ngày 21/9/2010. Như vậy ông B đã vay của bà M số tiền tổng cộng là 900.000.000đồng. Ông B đã dùng số tiền vay này vào việc gì thì bà M không được biết. Sau khi vay tiền ông B đã trả lãi cho bà từ tháng 8/2012 đến năm 2019 tổng cộng số tiền là 109.000.000đồng. Ông B chuyển khoản cho bà một phần theo sao kê bà đã nộp cho tòa án, phần còn lại bà nhận trực tiếp từ ông B đưa tiền cho bà M, các bên không làm giấy biên nhận. Nay bà Trần Thị Bình M đề nghị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng giải quyết buộc ông Đoàn Văn B phải trả bà số tiền nợ gốc là 900.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Đoàn Văn B trình bày:

Bà Trần Thị Bình M là người mua nhà đất của ông, chứ không phải quan hệ là ban bè như bà đã khai. Vào khoảng cuối năm 2009, ông và bà M có thỏa thuận để bà M mua căn nhà cấp bốn trên diện tích 120m^2 đất tại địa chỉ Tổ 1 Cụm 8, phường P, quận T, Thành phố Hà Nội, giá tiền hai bên thỏa thuận khoảng hơn 700.000.000đồng, việc mua bán này có viết giấy mua bán. Sau đó bà M không đồng ý mua nhà đất nêu trên, nên đã hủy giấy mua bán này. Việc bà M khai ông vay tiền của bà là không đúng. Bởi vì sau khi bà M thanh toán tiền mua nhà đất cho ông với số tiền là 500.000.000đồng, nhưng sau đó không mua nữa vì không có chỗ xe ô tô quay đầu, do vậy đã hủy giấy mua bán nhà đất đã viết. Bà M yêu cầu ông viết giấy vay tiền. Theo Giấy vay mượn đề ngày 03/9/2010 trong giấy thể hiện ông vay của bà M số tiền 830.000.000đồng nhưng thực tế chỉ có 500.000.000đồng là tiền thanh toán tiền mua nhà đất. Còn số tiền 330.000.000đồng là tiền trước đây ông cùng bà M liên doanh để nhận thầu nhà máy sản xuất phân tại tỉnh Vĩnh Phúc; nhưng thực tế chỉ là 200.000.000đồng do ông nhận phần nợ liên doanh về phần ông, sau khi ông bán được đất thì sẽ trừ phần này cho bà M, còn lại 130.000.000đồng là hoàn toàn không có. Việc ông ghi vào giấy vay mượn là do bà M đọc cho ông viết nhưng thực tế là bị ép buộc. Tiếp đó ngày 21/9/2010 ông có vay của bà M số tiền 70.000.000đồng. Ông có viết giấy vay tiền và cam đoan 15 ngày sau sẽ trả đủ tiền nếu không sẽ chịu phạt 5%/01tháng. Thực tế ông chỉ nhận vay số tiền của bà M hai khoản tổng cộng là 570.000.000đ(Năm trăm bảy mươi triệu đồng). Đối với số tiền trên ông đã trả nợ hết cho bà M. Đến nay ông không còn nợ bà M đồng nào nữa. Việc trả nợ này hai bên không viết giấy biên nhận bởi vì bà M bảo sẽ cộng lại và trừ dần nợ nên ông không nắm được đã trả trực tiếp cho bà M là bao nhiêu tiền. Từ năm 2016 đến năm 2019 ông đã trả nợ vào tài khoản của bà M tại Ngân hàng nông nghiệp Việt Nam, ông đã trả được bao nhiêu tiền thì ông cũng chưa thống kê được vì không có giấy tờ gì. Tòa án đã cho ông xem giấy vay mượn đề ngày 03/9/2010 và giấy vay tiền đề ngày 21/9/2010 do bà M xuất trình

cho Tòa án là chữ viết và chữ ký đúng của ông. Việc vay tiền này vợ ông là bà Đào Thị B, sinh năm 1955, hiện nay cư trú tại số 7 phố T, quận H, Thành phố Hà Nội không liên quan gì, việc vay tiền này vợ ông không biết. Nay ông không xuất trình được các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc mua bán nhà đất cũng như các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc trả nợ bà M cho Tòa án.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà là đã tuân theo pháp luật; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với số tiền đã trả 109.000.000đồng do những lần trả nợ đều không thể hiện là trả lãi hay trả gốc nên xác định là tiền trả nợ gốc nên được trừ vào số tiền nợ gốc. Do vậy chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền nợ gốc là 791.000.000đồng. Đối với số tiền lãi của số tiền nợ gốc 870.000.000đồng các bên thỏa thuận lãi suất 12%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu lãi phạt. Đối với số tiền lãi của số tiền nợ gốc 70.000.000đồng các bên không thỏa thuận về lãi và yêu cầu Tòa án giải quyết lãi theo quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 để xác định lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 10/7/2020 Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXX-ST ấn định phiên toà được mở vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 30/7/2020. Quyết định đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 30/7/2020 chỉ có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Bị đơn là ông Đoàn Văn B vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quyết định hoãn phiên toà và ấn định phiên toà tiếp theo mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 21/8/2020. Quyết định hoãn phiên toà đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà ngày 21/8/2020 bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị Bình M khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn là ông Đoàn Văn B, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về dân sự theo quy định tại

khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phố T, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội; Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về việc đòi tiền cho vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp Huyện theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng vay tài sản và áp dụng pháp luật: Nguyên đơn là bà Trần Thị Bình M yêu cầu Tòa án buộc ông Đoàn Văn B phải trả số tiền ông B đã vay của bà theo giấy ghi nhận nợ, cụ thể ngày 03/9/2010 vay 830.000.000đồng; ngày 21/9/2010 vay 70.000.000đồng. Các hợp đồng vay tài sản được các bên tự nguyện xác lập, có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, nên có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng cam kết. Các hợp đồng vay tài sản này đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà Minh khởi kiện yêu cầu ông Bình thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015. Tòa án áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn xét thấy:

[4.1] Đối với yêu cầu đòi nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền đã vay theo giấy vay mượn ngày 03/9/2010 vay 830.000.000đồng; Giấy vay tiền ngày 21/9/2010 vay 70.000.000đồng. Phía nguyên đơn cho rằng từ ngày vay tiền cho đến nay ông B chưa trả cho bà M đồng nào tiền gốc. Bị đơn cho rằng đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho nguyên đơn và đến nay không còn nợ nguyên đơn đồng nào nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bị đơn yêu cầu giao nộp các tài liệu chứng cứ để chứng minh việc bị đơn đã trả tiền gốc và các khoản lãi cho nguyên đơn nhưng bị đơn không xuất trình được. Do đó căn cứ vào các Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc đã vay cả hai khoản vay là 900.000.000đồng.

[4.2]. Đối với yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn xét thấy: Theo Giấy vay mượn ngày 03/9/2010 vay 830.000.000đồng các bên có thỏa thuận về lãi là 12%/ năm, như vậy có đủ căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản thuộc loại có lãi với thời hạn vay là một năm. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu ông B trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, lãi trên nợ lãi chưa trả mà chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản là 12%/năm. Xét thấy hợp đồng vay tài sản chưa được thực hiện mà lãi, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015, căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần buộc ông B phải trả bà M số tiền lãi chưa trả như sau: Từ ngày 03/9/2010 đến ngày 21/8/2020, căn cứ vào khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 tiền lãi trên nợ gốc chưa trả là: 830.000.000đồng × 12%/365 ngày × 3.638ngày = 992.725.479đồng. Theo Giấy vay mượn ngày

21/9/2010 vay 70.000.000đồng các bên không thỏa thuận về lãi trong hạn mà chỉ thỏa thuận về lãi quá hạn là 5%/ tháng là quá cáo không phù hợp với quy định của pháp luật, thời hạn vay là 15 ngày. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi quá hạn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần buộc ông B phải trả bà Minh số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc tính từ ngày 07/10/2010 đến ngày 21/8/2020 như sau: 70.000.000đồng × 10%/365ngày × 3.610ngày = 69.232.876đồng. Tổng cộng các khoản lãi là: [992.725.479đồng + 69.232.876đồng] - 109.000.000đồng (tiền lãi đã trả) = 952.958.355đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi ông B phải trả bà M là: 952.958.355đồng.

[4.3]. Từ những nhận định trên có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đoàn Văn B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị Bình M số tiền: 830.000.000đồng + 70.000.000đồng + 952.958.355đồng = 1.852.958.355đồng *(Một tỷ, tám trăm năm mươi hai triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi năm đồng).*

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn là ông Đoàn Văn B là người cao tuổi, do vậy được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; Điều 463, khoản 1, 4, 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468, điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bình M đối với ông Đoàn Văn B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2]. Buộc ông Đoàn Văn B phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Bình M số tiền nợ gốc là 830.000.000đồng + 70.000.000đồng = 900.000.000đồng.

[3]. Buộc ông Đoàn Văn B phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Bình M số tiền nợ lãi là: 952.958.355đồng.

[4].Tổng cộng cả gốc và lãi là: 1.852.958.355đồng *(Một tỷ, tám trăm năm mươi hai triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi năm đồng).*

[5]. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[6]. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7]. Về án phí: Bị đơn là ông Đoàn Văn B được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- Chi cục Thi hành án Q. Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

Phạm Văn Tiến